TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày 28-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 nnăm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP N; trụ sở: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Đức L, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý nợ thuộc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh D; địa chỉ: Số 121 đường ĐT, khu phố N1, phường A, thành phố A, tỉnh D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/9/2022). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Công T, sinh năm 1990; thường trú: Số 1/22A ấp X, thị trấn V, huyện T, tỉnh A; tạm trú: đường P, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh D thực hiện giao dịch tín dụng cho vay theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng với ông Phạm Công T với nội dung chính sau:

* Cho vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V Visa V0410001589.

- Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/12/2020;

- Hạn mức tín dụng: 15.000.000 đồng;

- Lãi suất cho vay: Thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong sao kê.

- Phí phạt chậm thanh toán: 3% trị giá thanh toán tối thiểu, tối thiểu là 50.000 đồng (trong đó trị giá thanh toán tối thiểu = 10% số dư sao kê kỳ trước + lũy kế trị giá thanh toán tối thiểu các kỳ trước);

- Phí rút tiền mặt: 4% số tiền giao dịch (tối thiểu 50.000 VNĐ/giao dịch);

- Phí vượt hạn mức:

+ Vượt quá hạn mức từ 01 đến 05 ngày: 8%/năm (số tiền vượt hạn mức).

+ Từ 06 đến 15 ngày: 10%/năm (số tiền vượt hạn mức).

+ từ ngày thứ 16 trở đi: 15%/năm (số tiền vượt hạn mức).

* Biện pháp bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm.

Tính đến hết ngày 28/02/2023 tổng số nợ của ông Phạm Công T tạm tính (do nợ lãi, phí vẫn tiếp tục phát sinh) là 24.600.976 đồng, chi tiết như sau:

- Nợ gốc thẻ tín dụng: 13.780.262 đồng.
- Lãi thẻ tín dụng: 3.387.414 đồng.
- Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 6.650.838 đồng.
- Phí vượt hạn mức: 605.539 đồng.
- Phí thường niên: 176.923 đồng.

Quá thời hạn trả nợ đến nay, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả T bộ nợ gốc và nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kế với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán cho Ngân hàng T bộ khoản nợ tạm tính (do nợ lãi, phí vẫn tiếp tục phát sinh) đến ngày 28/02/2023 là 24.600.976 đồng, chi tiết như sau:

- Nợ gốc thẻ tín dụng: 13.780.262 đồng.
- Lãi thẻ tín dụng: 3.387.414 đồng.
- Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 6.650.838 đồng.

- Phí vượt hạn mức: 605.539 đồng.

- Phí thường niên: 176.923 đồng.

Đồng thời yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo mức lã suất, phí thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/02/2023 cho đến ngày thực tế trả hết nợ cho Ngân hàng.

- *Đối với bị đơn ông Phạm Công T*:

Quá trình tố tụng ông Phạm Công T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 17/02/2023, 28/02/2023 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 17/02/2023, 28/02/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn: Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 10/12/2020 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP N và bị đơn ông Phạm Công T do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của các bên, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[2.2] Quá trình tố tụng, ông Phạm Công T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không xuất trình tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thanh toán nợ cho Ngân hàng. Căn cứ các bản Sao kê tài khoản thẻ tín dụng V visa; Bảng tổng hợp gốc, lãi, phí sao kê do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông T đã thực hiện chi tiêu, rút tiền mặt nhiều lần thông qua thẻ tín dụng nói trên với tổng số tiền là 116.379.000 đồng, đã thanh toán được 103.777.237 đồng, còn nợ tiền gốc là 13.780.262 đồng. Từ

tháng 11/2021 đến nay ông Phạm Công T không thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng. Căn cứ Biểu phí dịch vụ và lãi suất cho vay: thay đổi theo thông báo của Ngân hàng ghi trng sao kê; Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu (phí phạt chậm thanh toán): 3% trị giá thanh toán tối thiểu, tối thiểu là 50.000 đồng; phí vượt hạn mức. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N yêu cầu buộc bị đơn thanh toán T bộ khoản nợ tính đến ngày 28/02/2023 là 24.600.976 đồng, trong đó nợ gốc thẻ tín dụng: 13.780.262 đồng; lãi thẻ tín dụng: 3.387.414 đồng và phí phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu là: 6.650.838 đồng, phí vượt hạn mức là: 605.539 đồng và phí thường niên là 176.923 đồng là có căn cứ. Ông Phạm Công T phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ theo thỏa thuận giữa hai bên.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự là 4.050.000 (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng. Ông Trần Qui C phải thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số 4.050.000 (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm g khoản 1 Điều 40, các Điều 92, 147, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với bị đơn ông Phạm Công T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc ông Phạm Công T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 10/12/2020 tính đến hết ngày 28/02/2023 là 24.600.976 đồng, trong đó nợ gốc thẻ tín dụng: 13.780.262 đồng; lãi thẻ tín dụng: 3.387.414 đồng và phí phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu là: 6.650.838 đồng, phí vượt hạn mức là: 605.539 đồng và phí thường niên là 176.923 đồng.

1.2. Tiền lãi, phí chậm thanh toán được tiếp tục tính kể từ ngày 28/02/2023 cho đến khi ông Phạm Công T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất, phí thỏa thuận trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 10/12/2020.

2. Chi phí tố tụng khác: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.050.000 (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng. Ông Phạm Công T phải thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số 4.050.000 (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Công T phải chịu 1.230.048 đồng (một triệu hai trăm ba mươi nghìn không trăm bốn mươi tám đồng). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N 452.749 (bốn trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000752 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Nam